

VỀ TƯ CÁCH PHÁP LÝ CỦA CÔNG TY HỢP DANH THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Nguyễn Thị Huệ*

1. Khái niệm chung về các loại công ty

Công ty là loại hình doanh nghiệp xuất hiện rất sớm ở các nước phương tây. Trải qua nhiều thế kỷ phát triển và hoàn thiện, ngày nay công ty đã trở thành hình thức tổ chức phổ biến của doanh nghiệp hiện đại ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, và tại các quốc gia có sự tồn tại của mô hình công ty đều có luật về công ty để điều chỉnh pháp lý về loại hình doanh nghiệp này.

Hàm nghĩa ban đầu về công ty là nói đến một chủ thể kinh doanh với những đặc trưng cơ bản sau:

1. Là sự liên kết của từ hai thành viên (là cá nhân hoặc tổ chức) trở lên, có quan hệ rõ ràng trong quản lý tài sản của công ty;
2. Sự liên kết này được thực hiện thông qua một sự kiện pháp lý là hợp đồng thành lập công ty, điều lệ công ty...;
3. Được đăng ký theo trình tự và thủ tục do pháp luật quy định;
4. Các thành viên công ty liên kết với nhau nhằm thực hiện một mục đích chung và chủ yếu là tìm kiếm lợi nhuận.

Trên thế giới, công ty tồn tại rất đa dạng và dưới góc độ về tính chất của sự liên kết, công ty được chia thành hai loại là công ty đối nhân và công ty đối vốn.

Công ty đối nhân là những công ty mà sự liên kết giữa các thành viên dựa trên cơ sở độ tin cậy về nhân thân của nhau, sự hùn vốn chỉ là thứ yếu. Trong công ty đối nhân không có sự tách bạch giữa tài sản của cá nhân các thành viên và tài sản của công ty. Các thành viên hoặc ít nhất một thành viên phải chịu

trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ của công ty. Công ty đối nhân tồn tại dưới các hình thức là: công ty hợp danh và công ty hợp vốn đơn giản (hay còn gọi là hợp danh thường và hợp danh hữu hạn). Các công ty đối nhân thường có số lượng thành viên hạn chế, có sự quen biết, tin tưởng lẫn nhau. Vì đều phải tham gia điều hành công ty nên các thành viên đều phải có sự hiểu biết về kinh doanh, ở nhiều nước họ đều là thương nhân.

Công ty đối vốn, xét về mặt lịch sử ra đời sau các công ty đối nhân. Khác với công ty đối nhân, khi liên kết, các thành viên công ty không quan tâm đến nhân thân của nhau mà yếu tố (tỷ lệ) góp vốn sẽ là yếu tố căn bản quy định tính chất của sự liên kết. Trong công ty đối vốn có sự tách bạch giữa tài sản của công ty và tài sản của thành viên công ty. Các thành viên công ty chỉ chịu trách nhiệm về công nợ của công ty trong phạm vi phần vốn góp của mình vào công ty, công ty chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ trong phạm vi tài sản của mình. Công ty đối vốn tồn tại dưới hai hình thức phổ biến là công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn. So với công ty đối nhân, công ty đối vốn có nhiều ưu điểm hơn nên được người kinh doanh ưa chuộng. Các công ty này tạo ra khả năng huy động vốn dễ dàng để mở rộng hoạt động kinh doanh của các nhà kinh doanh và là cơ sở cho thị trường vốn phát triển.

2. Bản chất pháp lý của công ty hợp danh

Công ty hợp danh là loại công ty do các thành viên lập ra để cùng kinh doanh dưới một tên chung. Là một loại công ty đối nhân, công ty hợp danh có đặc điểm quan trọng là các thành viên đều phải là thương gia, chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ của công ty.

* Thạc sỹ, Giảng viên Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Công ty hợp danh là công ty mà: các thành viên cùng kinh doanh và cùng chịu trách nhiệm trước bên thứ ba dưới một tên chung được hợp thành bởi tên của tất cả hoặc một số thành viên hợp danh. Pháp luật thường đòi hỏi tên của công ty hợp danh đặt theo tên của thành viên hợp danh. Nhìn vào tên của công ty, người ta có thể biết ngay công ty đó do những ai là chủ sở hữu (những người liên đới chịu trách nhiệm vô hạn), trình độ chuyên môn, uy tín, địa vị xã hội cũng như những đặc điểm nhân thân khác của họ. Đây là những thông tin cần thiết cho khách hàng khi quyết định thiết lập quan hệ với công ty hợp danh.

Kinh nghiệm thế giới cho thấy có nhiều loại hình công ty hợp danh khác nhau, tùy thuộc vào quy định của luật pháp mỗi nước. Chẳng hạn như ở Mỹ, người ta không đặt tên công ty hợp danh trong pháp luật về công ty. Đây là một loại hình doanh nghiệp chỉ là một hình thức liên kết trong hoạt động kinh doanh. Hầu khắp các quốc gia châu Âu và các quốc gia Đông Nam Á đều quan niệm rằng công ty hợp danh là một thực thể, tồn tại dưới hai hình thức phổ biến là công ty hợp danh thường và công ty hợp danh hữu hạn. Về tư cách pháp lý của công ty hợp danh, có nơi công ty hợp danh được xác định là có tư cách pháp nhân (bởi luật pháp của họ quy định pháp nhân là một chủ thể được thành lập một cách hợp pháp). Cũng có nơi công ty hợp danh không được xác định là có tư cách pháp nhân.

Ở Việt Nam luật công ty ra đời muộn, mặc dù các hoạt động thương mại đã xuất hiện từ rất lâu, song về cơ bản nó được điều chỉnh bằng thông lệ thương mại. Ở một nước có nền kinh tế chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường, nên trong cơ chế kinh tế cũ (tập trung quan liêu, bao cấp), khái niệm công ty thường được sử dụng cho các đơn vị kinh tế chuyên hoạt động thương nghiệp, dịch vụ để phân biệt với các đơn vị kinh tế chuyên hoạt động sản xuất (các xí nghiệp, nhà máy). Trong giai đoạn

này ở Việt Nam không có luật công ty. Đến đầu những năm 90 của thế kỷ 20 Việt Nam mới có luật công ty - Luật Công ty ngày 21.12.1990. Luật Công ty 1990 chỉ quy định hai hình thức công ty đối vốn là công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn mà không có quy định nào về công ty đối nhân.

Luật Doanh nghiệp 1999 đã đa dạng hoá các loại hình doanh nghiệp bằng việc quy định về hai hình thức doanh nghiệp mới là công ty hợp danh và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Công ty hợp danh là mô hình doanh nghiệp mới ở Việt Nam, việc quy định về mô hình doanh nghiệp này thể hiện tính liên tục của quá trình phát triển và hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp. Theo Điều 95 Luật Doanh nghiệp 1999 thì:

Công ty hợp danh là doanh nghiệp trong đó: phải có ít nhất hai thành viên hợp danh; thành viên hợp danh là cá nhân, có trình độ chuyên môn và uy tín nghề nghiệp và phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty. Ngoài các thành viên hợp danh, công ty hợp danh còn có thể có thành viên góp vốn. Thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

Trong công ty hợp danh có thể có hai loại thành viên với địa vị pháp lý khác nhau là thành viên hợp danh và thành viên góp vốn. Do vậy công ty hợp danh theo quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam bao gồm cả công ty hợp danh và công ty hợp vốn đơn giản.

Thành viên hợp danh là thành viên chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty (trách nhiệm vô hạn). Quyền quản lý công ty thuộc về tất cả các thành viên hợp danh. Bất kỳ thành viên hợp danh nào cũng có quyền nhân danh công ty để tiến hành các hoạt động kinh doanh và cùng liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty bằng toàn bộ tài sản của mình.

Công ty hợp danh là công ty mà: các thành viên cùng kinh doanh và cùng chịu trách nhiệm trước bên thứ ba dưới một tên chung được hợp thành bởi tên của tất cả hoặc một số thành viên hợp danh. Pháp luật thường đòi hỏi tên của công ty hợp danh đặt theo tên của thành viên hợp danh. Nhìn vào tên của công ty, người ta có thể biết ngay công ty đó do những ai là chủ sở hữu (những người liên đới chịu trách nhiệm vô hạn), trình độ chuyên môn, uy tín, địa vị xã hội cũng như những đặc điểm nhân thân khác của họ. Đây là những thông tin cần thiết cho khách hàng khi quyết định thiết lập quan hệ với công ty hợp danh.

Kinh nghiệm thế giới cho thấy có nhiều loại hình công ty hợp danh khác nhau, tùy thuộc vào quy định của luật pháp mỗi nước. Chẳng hạn như ở Mỹ, người ta không đặt tên công ty hợp danh trong pháp luật về công ty. Đây là một loại hình doanh nghiệp chỉ là một hình thức liên kết trong hoạt động kinh doanh. Hầu khắp các quốc gia châu Âu và các quốc gia Đông Nam Á đều quan niệm rằng công ty hợp danh là một thực thể, tồn tại dưới hai hình thức phổ biến là công ty hợp danh thường và công ty hợp danh hữu hạn. Về tư cách pháp lý của công ty hợp danh, có nơi công ty hợp danh được xác định là có tư cách pháp nhân (bởi luật pháp của họ quy định pháp nhân là một chủ thể được thành lập một cách hợp pháp). Cũng có nơi công ty hợp danh không được xác định là có tư cách pháp nhân.

Ở Việt Nam luật công ty ra đời muộn, mặc dù các hoạt động thương mại đã xuất hiện từ rất lâu, song về cơ bản nó được điều chỉnh bằng thông lệ thương mại. Ở một nước có nền kinh tế chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường, nên trong cơ chế kinh tế cũ (tập trung quan liêu, bao cấp), khái niệm công ty thường được sử dụng cho các đơn vị kinh tế chuyên hoạt động thương nghiệp, dịch vụ để phân biệt với các đơn vị kinh tế chuyên hoạt động sản xuất (các xí nghiệp, nhà máy). Trong giai đoạn

này ở Việt Nam không có luật công ty. Đến đầu những năm 90 của thế kỷ 20 Việt Nam mới có luật công ty - Luật Công ty ngày 21.12.1990. Luật Công ty 1990 chỉ quy định hai hình thức công ty đối vốn là công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn mà không có quy định nào về công ty đối nhân.

Luật Doanh nghiệp 1999 đã đa dạng hoá các loại hình doanh nghiệp bằng việc quy định về hai hình thức doanh nghiệp mới là công ty hợp danh và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Công ty hợp danh là mô hình doanh nghiệp mới ở Việt Nam, việc quy định về mô hình doanh nghiệp này thể hiện tính liên tục của quá trình phát triển và hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp. Theo Điều 95 Luật Doanh nghiệp 1999 thì:

Công ty hợp danh là doanh nghiệp trong đó: phải có ít nhất hai thành viên hợp danh; thành viên hợp danh là cá nhân, có trình độ chuyên môn và uy tín nghề nghiệp và phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty. Ngoài các thành viên hợp danh, công ty hợp danh còn có thể có thành viên góp vốn. Thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

Trong công ty hợp danh có thể có hai loại thành viên với địa vị pháp lý khác nhau là thành viên hợp danh và thành viên góp vốn. Do vậy công ty hợp danh theo quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam bao gồm cả công ty hợp danh và công ty hợp vốn đơn giản.

Thành viên hợp danh là thành viên chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty (trách nhiệm vô hạn). Quyền quản lý công ty thuộc về tất cả các thành viên hợp danh. Bất kỳ thành viên hợp danh nào cũng có quyền nhân danh công ty để tiến hành các hoạt động kinh doanh và cùng liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty bằng toàn bộ tài sản của mình.

Thành viên góp vốn là cá nhân hoặc tổ chức chỉ chịu trách nhiệm về hoạt động của công ty trong phạm vi vốn góp của mình vào công ty và không có quyền quản lý công ty, hoạt động kinh doanh nhân danh công ty.

Trách nhiệm của công ty đối với hoạt động kinh doanh không chỉ giới hạn trong phạm vi tài sản của công ty mà bằng toàn bộ tài sản các thành viên hợp danh có. Do vậy thông thường các công ty hợp danh quy định trong điều lệ rằng thành viên hợp danh có nghĩa vụ khai báo trung thực tài sản riêng của mình.

Các thành viên hợp danh vừa là đồng chủ sở hữu công ty, vừa trực tiếp quản lý công ty và đại diện cho công ty trong các quan hệ pháp luật. Các thành viên hợp danh chịu trách nhiệm đến cùng đối với các nghĩa vụ tài sản của công ty, vì vậy, công ty hợp danh là doanh nghiệp chịu trách nhiệm vô hạn. Tính chịu trách nhiệm vô hạn của các thành viên hợp danh công ty là một sự bảo đảm rất tốt cho các bạn hàng của nó.

Về vấn đề đại diện cho công ty trong các quan hệ pháp luật. Các loại hình công ty khác chỉ có một đại diện theo pháp luật hoạt động nhân danh công ty (cơ chế đại diện rõ ràng), người không được chỉ định là người đại diện theo pháp luật của công ty chỉ có thể đại diện cho công ty theo chế định uỷ quyền. Còn tại công ty hợp danh, mọi thành viên hợp danh đều có quyền đại diện cho công ty, nhân danh công ty trong các quan hệ pháp luật. Một trong các nguyên tắc rất cơ bản của hợp danh là công bằng, như nhau giữa các thành viên hợp danh trong quan hệ nội bộ cũng như trong quan hệ với bên ngoài. Nói khác đi, trong công ty hợp danh không thể có hiện tượng thành viên này có nhiều quyền lợi hay trách nhiệm hơn thành viên hợp danh khác, thành viên hợp danh này có quyền chỉ huy thành viên hợp danh khác. Khi một giao dịch với bên thứ ba được xác lập thì chỉ cần một trong các thành viên hợp danh đứng ra nhân danh công ty xác lập thì giao dịch đó có giá trị. Cơ chế đại diện trong

công ty hợp danh không rõ ràng, điều này cũng rất dễ dàng tạo ra sự rủi ro cho công ty và các thành viên khác.

3. Về tư cách pháp lý của công ty hợp danh

Luật Doanh nghiệp 1999 không xác định tư cách của công ty hợp danh khi tham gia các quan hệ pháp luật, nhưng từ việc xem xét về trách nhiệm của công ty và các thành viên công ty trong các giao dịch kinh doanh có thể suy ra công ty hợp danh không có tư cách pháp nhân bởi trong công ty hợp danh không có sự tách bạch về tài sản giữa công ty và các thành viên hợp danh.

Pháp nhân là một khái niệm pháp lý phản ánh địa vị pháp lý của một tổ chức, được ghi nhận tại Điều 94- Bộ luật Dân sự 1995 và hiện nay là Điều 84 Bộ luật Dân sự 2005. Để được công nhận là pháp nhân, tổ chức phải có những điều kiện sau: (1) phải được thành lập hợp pháp; (2) Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ; (3) Có tài sản riêng, độc lập với tài sản của các cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó và (4) Pháp nhân được nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Như vậy, một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân sẽ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi tài sản của mình về mọi hoạt động của nó; trong doanh nghiệp có tư cách pháp nhân có sự tách bạch giữa tài sản của doanh nghiệp và tài sản của các thành viên. Tính chịu trách nhiệm hữu hạn của các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân tạo ra sự an toàn cho chủ của nó.

Các doanh nghiệp không có tư cách pháp nhân chịu trách nhiệm vô hạn, trong đó không có sự tách bạch về mặt tài sản giữa chủ doanh nghiệp và doanh nghiệp. Tính chịu trách nhiệm vô hạn là sự đảm bảo cho các bạn hàng bởi tất cả tài sản mà chủ doanh nghiệp có trong hiện tại và tương lai dù không được đưa vào kinh doanh cũng được dùng để thanh toán các khoản nợ.

Trong tiến trình đổi mới khung pháp luật kinh doanh nói chung và luật về doanh nghiệp

nói riêng, Luật Doanh nghiệp (thống nhất) đã được kỳ họp thứ 8 của Quốc hội khoá 11 thông qua ngày 29/11/2005, có hiệu lực từ ngày 01.7.2006 đã đưa ra một khái niệm về công ty hợp danh tại Điều 130 như sau:

Công ty hợp danh là doanh nghiệp trong đó phải có ít nhất hai thành viên là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung (gọi là thành viên hợp danh). Thành viên hợp danh là cá nhân, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty. Ngoài thành viên hợp danh, công ty có thể có thành viên góp vốn. Thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty. Công ty hợp danh có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trong quá trình hoạt động, công ty hợp danh không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào.

Điểm mới của Luật Doanh nghiệp 2005 so với Luật Doanh nghiệp 1999 về công ty hợp danh là đã xác định rõ tư cách pháp lý của công ty hợp danh. Công ty hợp danh được xác định là có tư cách pháp nhân. Việc xác định rõ tư cách pháp lý của một chủ thể quan hệ pháp luật là cần thiết. Bởi bất kỳ một chủ thể nào khi tham gia các quan hệ pháp luật cũng cần được xác định một cách rõ ràng rằng chủ thể đó tham gia quan hệ pháp luật với tư cách gì (?); có đủ tư cách để xác lập quan hệ đó hay không (?). Tuy nhiên, thực tế ở Việt Nam hiện nay việc Luật Doanh nghiệp xác định công ty hợp danh là pháp nhân, lại tạo ra sự mâu thuẫn giữa quy định của Bộ luật Dân sự với quy định của Luật Doanh nghiệp về tư cách chủ thể của quan hệ pháp luật. Sự độc lập về tài sản giữa tổ chức với các thành viên của mình không còn là yếu tố cơ bản để xác định tổ chức đó có tư cách pháp nhân hay không. Nói cách khác, việc xác định tư cách pháp lý (là pháp nhân hay không phải pháp nhân) của một chủ thể quan hệ pháp luật nói chung và quan hệ pháp luật kinh doanh nói riêng, theo cách

tư duy của nhà làm luật doanh nghiệp, như vậy sẽ không có ý nghĩa gì trong thực tế.

4. Sự bất cập của Luật Doanh nghiệp 2005

Theo tôi, việc Luật Doanh nghiệp 2005 xác định công ty hợp danh có tư cách pháp nhân là không phù hợp vì những lý do sau:

Thứ nhất: Như đã nói ở trên, bất kỳ chủ thể nào khi tham gia vào một quan hệ pháp luật cũng có nhu cầu xác định rõ tư cách của mình trong quan hệ đó. Có thể nói đa số các nhà kinh doanh đều có quan niệm rằng tư cách pháp nhân là một vấn đề hết sức quan trọng, có ảnh hưởng lớn đối với sự tồn tại và phát triển của một doanh nghiệp. Bởi họ cho rằng một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân mới có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ để tham gia các giao dịch kinh doanh và thuận lợi trong việc xác lập các giao dịch; doanh nghiệp không có tư cách pháp nhân sẽ không có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ này. Tuy nhiên, doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hay không có tư cách pháp nhân chẳng qua chỉ là việc xác định trách nhiệm tài sản của chủ doanh nghiệp đối với các khoản nợ của doanh nghiệp, là sự tách bạch về tài sản giữa chủ doanh nghiệp và doanh nghiệp. Đây là một vấn đề mà các nhà kinh doanh phải thông suốt khi quyết định đầu tư thành lập doanh nghiệp thông qua hoạt động tuyên truyền giáo dục pháp luật của các cơ quan chức năng và thông qua hoạt động tự nâng cao ý thức pháp luật của chính các chủ doanh nghiệp. Công ty hợp danh, theo thiết kế của Luật Doanh nghiệp, không đạt được sự tách bạch về tài sản và đặc biệt là không chịu trách nhiệm hữu hạn nên không thể được coi là có tư cách pháp nhân.

Thứ hai: Dưới góc độ pháp lý, các chủ thể quan hệ pháp luật được Bộ luật Dân sự ghi nhận bao gồm: Cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình và tổ hợp tác. Công ty hợp danh không phù hợp với bất kỳ tư cách chủ thể nào, nó không có đủ điều kiện để được coi là một pháp nhân, cũng không phải là cá nhân,

hộ gia đình hay tổ hợp tác. Vậy phải chăng Bộ luật Dân sự cần phải quy định thêm một tư cách chủ thể của quan hệ pháp luật nữa là Thể nhân - Những thực thể tham gia các quan hệ pháp luật nhưng không đạt được đầy đủ các điều kiện để được coi là pháp nhân và cũng chẳng phải là cá nhân (vì các thành viên của công ty hợp danh tối thiểu phải là một tập thể các thành viên hợp danh - liên đới chịu trách nhiệm vô hạn).

Thứ ba: Công ty hợp danh như đã xác định ở trên là một công ty đối nhân, xét dưới góc độ kinh tế, các công ty này có những ưu thế nhất định trong lĩnh vực kinh doanh do chế độ trách nhiệm vô hạn là một sự đảm bảo cần thiết cho các bạn hàng. Xét dưới góc độ pháp lý, đây là loại công ty mà mối quan hệ giữa các thành viên thường rất gắn bó, vì vậy luật pháp của hầu hết các nước thường quy định rất ít về nó. Các thành viên hợp danh có thể tự tổ chức ra cơ chế điều hành hoạt động của công ty, vấn đề quan trọng nhất mà các thành viên hợp danh phải nhất quán là chế độ chịu trách nhiệm vô hạn của họ, và được thoả thuận rõ ràng trong hợp đồng giữa các thành viên-hợp đồng thành lập công ty. Công ty có thể được đăng ký kinh doanh hoặc không (công ty thực tế), do các thành viên quyết định, nếu đăng ký kinh doanh thì phải đăng ký cả hợp đồng thành lập công ty- công ty trở thành một thực thể tham gia vào thị trường và có thể ở quốc gia này luật pháp xác định là pháp nhân, nhưng ở quốc gia khác luật pháp lại xác định là không có tư cách pháp nhân, bởi quan niệm của luật pháp các nước về pháp nhân là không giống nhau. Nếu các thành viên công ty không đăng ký công ty thì công ty hợp danh chỉ là hình thức liên kết đầu tư, quyền và nghĩa vụ của các thành

viên hợp danh được ràng buộc bởi hợp đồng thành lập công ty.

Thực tế ở Việt Nam các hình thức liên kết đầu tư trên một số lĩnh vực cần có uy tín của nhà đầu tư là rất phổ biến như: dịch vụ y tế; dịch vụ tư vấn xây dựng và thiết kế công trình; tư vấn doanh nghiệp, quảng cáo; tư vấn dịch vụ pháp lý; thậm chí là các dịch vụ tư vấn giáo dục như mở các trung tâm dạy nghề, luyện thi đại học...đây là những lĩnh vực rất phù hợp với việc thành lập công ty hợp danh và người kinh doanh không thể chịu trách nhiệm hữu hạn được, nhưng những hoạt động này thực tế thường không được đăng ký, không có hợp đồng giữa các thành viên, hoặc nếu có đăng ký thì chủ đầu tư thường đăng ký dưới hình thức công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn. Vì vậy, để bảo vệ quyền lợi cho khách hàng, hướng các hoạt động trên vào khuôn khổ luật pháp, pháp luật cần quy định về nhiều hình thức hợp danh.

Công ty hợp danh là một hình thức doanh nghiệp mới ở Việt Nam, được du nhập từ các quốc gia có nền kinh tế phát triển. Có những quan điểm cho rằng Luật Doanh nghiệp 1999 và kể cả Luật Doanh nghiệp 2005 chưa thiết kế thành công mô hình công ty hợp danh, có rất nhiều điểm chưa rõ ràng và mâu thuẫn (trước hết là với Bộ luật Dân sự), do vậy trong thực tế, mô hình này chưa được giới kinh doanh Việt Nam hưởng ứng và tiếp nhận. Tuy nhiên việc du nhập một mô hình mới bao giờ cũng đòi hỏi một thời gian cần thiết để xã hội kiểm nghiệm và chấp nhận, các nhà làm luật dần khắc phục những điểm chưa phù hợp để đưa ra những quy định hợp lý hơn, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và nhu cầu của thị trường.